VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa

Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

2. Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa.[1]

---

[1] Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa.

Điều 2.[2] Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2018.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học và Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

[2] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020 quy định như sau:

"*Điều 2.* *Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.*

Điều 3. *Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này*."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022 quy định như sau:

"*Điều 2. Hiệu lực thi hành*

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

Thông tư này thay thế các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 37/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình và thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư số 31/2015/TT/BGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa ngoại ngữ sử dụng trong trường phổ thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 06/VBHN-BGDĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Độ

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Dân tộc, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

QUY ĐỊNH
Tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa

(Ban hành kèm theo Thông tư quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa, các Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa và tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sách giáo khoa* là xuất bản phẩm cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông; được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép sử dụng làm tài liệu dạy học chính thức trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

2. *Bản mẫu sách giáo khoa* là bản thảo sách giáo khoa hoàn chỉnh đã biên tập, chế bản và in dưới dạng sách, trên bìa 1 và bìa phụ (trang ghi tên sách) có cụm từ *bản mẫu*.

Điều 3. Nguyên tắc biên soạn sách giáo khoa

1. Phù hợp với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

2. Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông; bảo đảm tính liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục.

3. Gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam và phù hợp với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giới, bảo đảm tốt nhất lợi ích của người học.

Chương II
TIÊU CHUẨN, QUY TRÌNH BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA SÁCH GIÁO KHOA

Điều 4. Điều kiện tiên quyết của sách giáo khoa

1. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm.

2. Nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội.

Điều 5. Nội dung sách giáo khoa

1. Nội dung sách giáo khoa thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục; bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ học sinh; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng.

3. Các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục được cập nhật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

4. Những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu được thể hiện hợp lý.

Điều 6. Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục trong sách giáo khoa

1. Các bài học trong sách giáo khoa tạo điều kiện cho giáo viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh.

2. Các bài học trong sách giáo khoa thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục.

Điều 7. Cấu trúc sách giáo khoa

1. Cấu trúc sách giáo khoa có đủ các thành phần cơ bản sau: phần, chương hoặc chủ đề; bài học; giải thích thuật ngữ; mục lục.

2. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng.

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa và hình thức trình bày sách giáo khoa

1.[3] Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa là tiếng Việt (đối với sách giáo khoa các môn ngoại ngữ và sách giáo khoa các môn tiếng dân tộc thiểu số được sử dụng thêm các ngôn ngữ phù hợp với nội dung môn học), bảo đảm các quy định về chính tả và ngữ pháp, các chữ viết tắt, các ký hiệu, phiên âm; diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

2. Hình thức trình bày sách giáo khoa cân đối, hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, hệ thống ký hiệu, biểu tượng, kiểu chữ, cỡ chữ.

3. Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ trong sách giáo khoa rõ ràng, chính xác, cập nhật, có tính thẩm mỹ, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh và chỉ rõ nguồn trích dẫn.

4.[4] Khổ sách, khuôn khổ bát chữ, số dòng trong bát chữ, số chữ trong một dòng, chất lượng giấy in (định lượng, độ trắng, độ đục, độ bóng, độ xuyên thấu),

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-

chất lượng và định lượng giấy bìa, chất lượng mực in theo tiêu chuẩn quốc gia về sách.

Điều 9. Quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa[5]

1. Quy trình biên soạn sách giáo khoa

a) Tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa lựa chọn tác giả biên soạn sách giáo khoa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Thông tư này; tác giả nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xây dựng đề cương tổng thể, đề cương chi tiết, kế hoạch biên soạn; phân công nhiệm vụ của tổng chủ biên, chủ biên (nếu sách có tổng chủ biên, chủ biên), tác giả bảo đảm sự phù hợp về khối lượng công việc và thời gian thực hiện để bảo đảm chất lượng và tiến độ hoàn thành bản mẫu sách giáo khoa;

b) Tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa tổ chức biên soạn, biên tập, thiết kế, minh họa, hoàn thành ít nhất 01 (một) bài học, tổ chức dạy thực nghiệm, góp ý sau khi dạy thực nghiệm để hoàn thiện bài học đó với sự tham gia đóng góp và thống nhất của toàn thể tác giả trước khi tổ chức biên soạn các bài học khác; tổ chức biên soạn, biên tập, thiết kế, minh họa, dạy thực nghiệm, tổ chức lấy ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhà khoa học, nhà giáo dục am hiểu về giáo dục phổ thông nhận xét, đánh giá bản mẫu sách giáo khoa theo nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này (yêu cầu cụ thể theo Tiêu chí đánh giá sách giáo khoa kèm theo Thông tư này); hoàn thành bản mẫu sách giáo khoa gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức thẩm định;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định bản mẫu sách giáo khoa theo quy định tại Chương IV Thông tư này;

d) Tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa hoàn thiện bản mẫu sách giáo khoa sau thẩm định;

BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

đ) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép sử dụng sách giáo khoa;

e) Tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa tổ chức xuất bản, phát hành sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu và quy trình thực nghiệm sách giáo khoa

a) Đối với mỗi bản mẫu sách giáo khoa, lựa chọn các bài học để tổ chức thực nghiệm mang tính đại diện về loại bài, thể hiện điểm mới về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục; tổ chức thực nghiệm ít nhất 10% tổng số tiết đối với các môn học, hoạt động giáo dục có từ 105 tiết/năm học trở lên, ít nhất 15% tổng số tiết đối với các môn học, hoạt động giáo dục có từ 70 tiết/năm học đến dưới 105 tiết/năm học, ít nhất 20% tổng số tiết đối với các môn học, hoạt động giáo dục còn lại; mỗi bài học được dạy thực nghiệm ít nhất 02 (hai) lần, sau lần dạy thực nghiệm thứ nhất, tổ chức rút kinh nghiệm, chỉnh sửa bài học trước khi tổ chức dạy thực nghiệm lần thứ hai;

b) Cơ sở giáo dục phổ thông được lựa chọn để tổ chức dạy thực nghiệm bảo đảm tính đại diện vùng, miền; lớp học sinh được lựa chọn để tổ chức dạy thực nghiệm thuộc khối lớp có sách giáo khoa được thực nghiệm; việc dạy thực nghiệm được thực hiện đối với học sinh toàn lớp vào thời điểm phù hợp với năng lực của học sinh. Giáo viên dạy học và giáo viên dự giờ dạy thực nghiệm là những người đang trực tiếp dạy học môn học có sách giáo khoa được thực nghiệm; mỗi tiết dạy thực nghiệm bảo đảm có ít nhất 03 (ba) giáo viên dự giờ và tham gia góp ý bài học thực nghiệm;

c) Tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa tổ chức đánh giá bài học thực nghiệm theo nội dung từng khoản (trừ những nội dung không thể hiện trong bài học) quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này (yêu cầu cụ thể theo Tiêu chí đánh giá sách giáo khoa kèm theo Thông tư này).

3. Quy trình chỉnh sửa sách giáo khoa

a) Trong quá trình sử dụng, sách giáo khoa có thể được chỉnh sửa;

b) Quy trình chỉnh sửa sách giáo khoa thực hiện như quy trình biên soạn sách giáo khoa được quy định tại khoản 1 Điều này trừ quy định về thực nghiệm sách giáo khoa. Trường hợp phải tổ chức thực nghiệm sách giáo khoa chỉnh sửa do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cụ thể quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này đối với việc biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III
TIÊU CHUẨN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA

Điều 10. Tiêu chuẩn của tổ chức biên soạn sách giáo khoa

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Có đội ngũ tác giả biên soạn sách giáo khoa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3.[6] Đáp ứng yêu cầu thực hiện quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Tiêu chuẩn cá nhân biên soạn sách giáo khoa

1. Người biên soạn sách giáo khoa phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a)[7] Có trình độ được đào tạo từ đại học trở lên theo chuyên ngành phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục có sách giáo khoa được biên soạn; am hiểu về khoa học giáo dục; có ít nhất 03 (ba) năm trực tiếp giảng dạy hoặc nghiên cứu về chuyên môn phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục có sách giáo khoa được biên soạn;

b)[8] Là công dân Việt Nam, có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt.

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[8] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa

2. Người tham gia biên soạn sách giáo khoa không tham gia thẩm định sách giáo khoa.

Chương IV
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Điều 12. Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa

1. Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng) là tổ chức do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập theo từng môn học, hoạt động giáo dục ở từng cấp học, giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định sách giáo khoa.

2. Hội đồng bao gồm các nhà khoa học, nhà giáo dục, nhà quản lý giáo dục có kinh nghiệm, uy tín về giáo dục và đại diện các tổ chức có liên quan; có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy môn học, hoạt động giáo dục ở cấp học tương ứng. Số lượng thành viên Hội đồng là số lẻ, tối thiểu là 7 (bảy) người.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Thẩm định sách giáo khoa của một môn học, hoạt động giáo dục của các lớp trong một cấp học theo từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này;

b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép sử dụng sách giáo khoa.

4. Cơ cấu Hội đồng gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

5. Hội đồng và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng thẩm định.

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng

1. Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có đủ sức khỏe và thời gian tham gia thẩm định sách giáo khoa.

---

sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

2. Có trình độ từ đại học trở lên, am hiểu về khoa học giáo dục, có chuyên môn phù hợp với sách giáo khoa được thẩm định.

3.[9] Đã từng tham gia một trong các công việc sau: xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, thẩm định chương trình giáo dục phổ thông, biên soạn sách giáo khoa, thẩm định sách giáo khoa, có ít nhất 03 (ba) năm trực tiếp giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo giáo viên về chuyên môn phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục có sách giáo khoa được thẩm định; hoặc có ít nhất 03 (ba) năm trực tiếp dạy học môn học, hoạt động giáo dục có sách giáo khoa được thẩm định.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và ủy viên Hội đồng

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Hội đồng;

b) Chịu trách nhiệm liên hệ công tác với đơn vị tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

c) Lập và thực hiện kế hoạch làm việc của Hội đồng theo tiến độ quy định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng;

d) Điều hành các cuộc họp của Hội đồng; chủ trì thông qua biên bản làm việc sau mỗi phiên họp của Hội đồng;

đ) Báo cáo và phối hợp với đơn vị tổ chức thẩm định để xử lý các trường hợp phát sinh tình huống bất thường trong quá trình thẩm định;

e) Kiến nghị bổ sung, thay đổi thành viên của Hội đồng (nếu cần);

g) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng một số công việc cụ thể. Nội dung ủy quyền được thể hiện bằng văn bản và được lưu trong hồ sơ làm việc của Hội đồng;

h) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định tại khoản 4 Điều này.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng

a) Chịu trách nhiệm về các công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền;

b) Giúp Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các phiên họp của Hội đồng;

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký Hội đồng

a) Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị tài liệu làm việc của các phiên họp Hội đồng;

b) Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các phiên họp của Hội đồng; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các cuộc họp của Hội đồng;

c) Sau khi Hội đồng có báo cáo kết luận, tập hợp và chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan cho đơn vị tổ chức thẩm định;

d) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng:

a) Thực hiện nhiệm vụ thẩm định sách giáo khoa quy định tại Điều 16 Thông tư này và các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng;

b) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng; trường hợp không tham gia cuộc họp của Hội đồng thì phải xin phép Chủ tịch Hội đồng bằng văn bản;

c) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến nhận xét, đánh giá trong quá trình thẩm định sách giáo khoa;

d) Được quyền yêu cầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan để phục vụ công tác thẩm định; bảo lưu các ý kiến cá nhân; gửi các ý kiến cá nhân cho đơn vị tổ chức thẩm định bằng văn bản.

Điều 15. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, trung thực.

2. Cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng tham gia, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký; các thành viên vắng mặt gửi bản nhận xét, đánh giá bản mẫu sách giáo khoa

bằng văn bản đựng trong phong bì được niêm phong cho đơn vị tổ chức thẩm định trước thời điểm tổ chức cuộc họp. Trong các cuộc họp của Hội đồng phải có đại diện đơn vị tổ chức thẩm định.

3. Nội dung mỗi cuộc họp của Hội đồng phải được ghi biên bản có chữ ký của các thành viên Hội đồng dự họp và đại diện đơn vị tổ chức thẩm định.

4. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng có thể đề xuất với đơn vị tổ chức thẩm định để xin ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu cần thiết.

Điều 16. Quy trình thẩm định sách giáo khoa

1.[10] Chậm nhất 15 ngày trước phiên họp đầu tiên của Hội đồng, bản mẫu sách giáo khoa được đơn vị tổ chức thẩm định gửi cho các thành viên Hội đồng. Thành viên Hội đồng đọc, nghiên cứu và viết nhận xét, đánh giá bản mẫu sách giáo khoa theo nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này (yêu cầu cụ thể theo Tiêu chí đánh giá sách giáo khoa kèm theo Thông tư này).

2.[11] Hội đồng họp, thảo luận về bản mẫu sách giáo khoa theo nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này (yêu cầu cụ thể theo Tiêu chí đánh giá sách giáo khoa kèm theo Thông tư này).

3. Thành viên Hội đồng đánh giá và xếp loại bản mẫu sách giáo khoa

a) Đánh giá và xếp loại bản mẫu sách giáo khoa theo nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Không đạt";

b) Đánh giá chung và xếp loại bản mẫu sách giáo khoa vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Không đạt":

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

- Bản mẫu sách giáo khoa được xếp loại "Đạt" nếu kết quả xếp loại theo tất cả các nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này là loại "Đạt";

- Bản mẫu sách giáo khoa xếp loại "Đạt nhưng cần sửa chữa" nếu toàn bộ kết quả xếp loại theo nội dung từng khoản quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này là loại "Đạt" và loại "Đạt nhưng cần sửa chữa", trong đó bắt buộc các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư này phải được xếp loại "Đạt";

- Bản mẫu sách giáo khoa được xếp loại "Không đạt" trong các trường hợp còn lại.

4. Hội đồng đánh giá bản mẫu sách giáo khoa:

a) Hội đồng xếp loại "Đạt" đối với bản mẫu sách giáo khoa được ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng xếp loại "Đạt";

b) Hội đồng xếp loại "Đạt nhưng cần sửa chữa" đối với bản mẫu sách giáo khoa được ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng xếp loại "Đạt" và loại "Đạt nhưng cần sửa chữa" hoặc ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng xếp loại "Đạt nhưng cần sửa chữa";

c) Hội đồng xếp loại "Không đạt" trong các trường hợp còn lại.

Chương V
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CHO PHÉP SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

Điều 17. Hồ sơ đề nghị thẩm định sách giáo khoa

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định sách giáo khoa (sau đây gọi tắt là hồ sơ) lần đầu được lập thành một bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định sách giáo khoa (mẫu đơn kèm theo Thông tư này).

b) Bản mẫu sách giáo khoa đề nghị thẩm định.

c)[12] Thuyết minh về bản mẫu sách giáo khoa đề nghị thẩm định, bao gồm: tên sách giáo khoa; phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của tổng chủ biên, chủ biên

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

(nếu sách có tổng chủ biên, chủ biên), tác giả; mục đích biên soạn, đối tượng và phạm vi sử dụng; cấu trúc, nội dung; quá trình, kết quả thực nghiệm; việc tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu các ý kiến nhận xét, đánh giá bản mẫu sách giáo khoa của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhà khoa học, nhà giáo dục am hiểu về giáo dục phổ thông; các thông tin liên quan khác (nếu có).

d) Lý lịch khoa học của các tác giả, chủ biên, tổng chủ biên (nếu sách có chủ biên, tổng chủ biên) và người biên tập.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định lại bao gồm:

a) Bản mẫu sách giáo khoa đã chỉnh sửa, bổ sung;

b) Báo cáo tổng hợp nội dung tiếp thu hoặc giải trình nội dung không tiếp thu kết luận của Hội đồng.

Điều 18. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định sách giáo khoa[13]

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định sách giáo khoa là tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này, có bản mẫu sách giáo khoa được tổ chức biên soạn, chỉnh sửa theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định sách giáo khoa chịu trách nhiệm báo cáo, tiếp thu, giải trình với Hội đồng về nội dung sách giáo khoa trong mỗi vòng thẩm định; hoàn thiện bản mẫu sách giáo khoa; giải trình với xã hội đối với những vấn đề xã hội quan tâm về sách giáo khoa.

Điều 19. Đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa

1.[14] Đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa là đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công.

---

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-

2. Đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định sách giáo khoa, bao gồm các nhiệm vụ sau:

a) Đề xuất danh sách các thành viên của Hội đồng;

b)[15] Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí theo quy định phục vụ các hoạt động của Hội đồng và tổ chức thẩm định sách giáo khoa. Tùy theo điều kiện thực tế, đơn vị tổ chức thẩm định tổ chức thẩm định sách giáo khoa theo hình thức trại thẩm định hoặc họp thẩm định;

c) Tiếp nhận và chuyển bản mẫu sách giáo khoa đến từng thành viên của Hội đồng; tiếp nhận hồ sơ và các văn bản báo cáo, đề xuất, kiến nghị của Hội đồng để trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc phê duyệt, cho phép sử dụng sách giáo khoa;

đ) Lưu giữ bản mẫu sách giáo khoa, biên bản các cuộc họp của Hội đồng và các tài liệu liên quan trong quá trình tổ chức thẩm định và bàn giao cho bộ phận lưu trữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3.[16] Đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giám sát quá trình tổ chức biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

Điều 20. Trình tự giải quyết hồ sơ đề nghị thẩm định sách giáo khoa

1. Đơn vị đề nghị thẩm định sách giáo khoa gửi hồ sơ đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.[17] Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ để tổ chức thẩm định sách giáo khoa nhiều nhất 02 (hai) đợt trong một năm; trong mỗi đợt thẩm định, một bản mẫu sách giáo khoa được thẩm định nhiều nhất 02 (hai) vòng, mỗi vòng nhiều nhất 05 (năm) ngày. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng các quy định tại Điều 17 Thông tư này thì hồ sơ được gửi trả lại đơn vị đề nghị thẩm định sách giáo khoa trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị tổ chức thẩm định dự kiến danh sách thành viên Hội đồng, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định thành lập Hội đồng.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập cuộc họp đầu tiên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng điều hành các hoạt động của Hội đồng theo quy định tại Thông tư này.

5. Chủ tịch Hội đồng gửi đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa văn bản báo cáo kết quả thẩm định bản mẫu sách giáo khoa của Hội đồng.

6. Đơn vị tổ chức thẩm định sách giáo khoa xử lý theo kết quả thẩm định:

a) Trường hợp bản mẫu sách giáo khoa được Hội đồng đánh giá "Đạt", đơn vị tổ chức thẩm định hoàn thiện hồ sơ, lập báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc phê duyệt, cho phép sử dụng.

b)[18] Trường hợp bản mẫu sách giáo khoa được Hội đồng đánh giá "Đạt nhưng cần sửa chữa" tại vòng thẩm định thứ nhất thì đơn vị tổ chức thẩm định trình Bộ

---

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo văn bản thông báo cho đơn vị đề nghị thẩm định sách giáo khoa thực hiện việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm định lại theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Thông tư này. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ tối đa là 30 ngày, tính từ ngày ban hành thông báo kết quả thẩm định của đơn vị tổ chức thẩm định.

c)[19] Trường hợp bản mẫu sách giáo khoa được Hội đồng đánh giá "Không đạt" tại vòng thẩm định thứ nhất, "Không đạt" hoặc "Đạt nhưng cần sửa chữa" tại vòng thẩm định thứ hai thì đơn vị tổ chức thẩm định thông báo kết quả thẩm định cho đơn vị đề nghị thẩm định sách giáo khoa. Nếu tổ chức, cá nhân có nguyện vọng tiếp tục biên soạn sách giáo khoa thì bản mẫu sách giáo khoa phải được xây dựng lại để tổ chức thẩm định, như thẩm định lần đầu.

Điều 21. Quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả sách giáo khoa

Các vấn đề về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả sách giáo khoa thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

Mẫu đơn đề nghị thẩm định sách giáo khoa

(Kèm theo Thông tư quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT SÁCH GIÁO KHOA

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

[Tên đơn vị đề nghị thẩm định sách], [địa chỉ nơi làm việc/văn phòng/cơ quan/tư cách pháp nhân]

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định các bản mẫu sách giáo khoa dùng trong cơ sở giáo dục *[tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông]*, cụ thể như sau:

1. Tên sách giáo khoa: *[tên sách giáo khoa, tập..., lớp...][Trong trường hợp có nhiều bản mẫu sách giáo khoa thì ghi lần lượt từng tên bản mẫu]*.

2. Tên tác giả/nhóm tác giả/đơn vị đứng tên tác giả/chủ biên/tổng chủ biên (nếu có): *[Nếu có nhiều bản mẫu sách giáo khoa đề nghị thẩm định thì ghi theo từng bản mẫu]*.

3. Cơ sở giáo dục sử dụng sách giáo khoa: *[tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông]*

4. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) .....

b) .....

.....

5. Địa chỉ liên hệ:.....

6. Số điện thoại:.....

7. Địa chỉ email:.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
[Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu]

Tài liệu kèm theo:

1. Các thông tin cơ bản của đơn vị đề nghị thẩm định, phê duyệt sách giáo khoa: Giấy phép thành lập, quyết định thành lập, hồ sơ năng lực trong lĩnh vực biên soạn sách giáo khoa.

2. Các thông tin cơ bản của tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa:

- Đối với tổ chức biên soạn sách: Tên tổ chức, quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh

- Đối với cá nhân biên soạn sách: Lý lịch khoa học, nhiệm vụ trong việc biên soạn sách

3. Ý kiến đánh giá của các tổ chức, cá nhân về sách giáo khoa được biên soạn (nếu có).

4. Cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SÁCH GIÁO KHOA

(Kèm theo Thông tư quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa)

STT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí
1	**Điều kiện tiên quyết của sách giáo khoa**	
1.1	Nội dung và hình thức sách giáo khoa không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm	Nội dung và hình thức sách giáo khoa không trái với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Giáo dục, Luật Xuất bản và pháp luật có liên quan.
		Nội dung và hình thức sách giáo khoa không tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định; không sai lệch sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; không xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; không vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân; không gây hằn thù dân tộc, xung đột sắc tộc, tôn giáo; không ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.
		Nội dung và hình thức sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về xuất bản phẩm được quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam.
		Thông tin ghi trên sách giáo khoa tuân thủ quy định theo Luật Xuất bản.
1.2	Nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội	Các nội dung, hình ảnh liên quan đến các dân tộc Việt Nam có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc, quan điểm tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng về phẩm chất trí tuệ, phong tục tập quán, giá trị truyền thống văn hóa của các dân tộc Việt Nam.
		Các nội dung, hình ảnh liên quan đến người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện cách nhìn tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng về phẩm

		chất trí tuệ của người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em; không vi phạm các quy định của Luật người khuyết tật, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và pháp luật có liên quan.
		Các nội dung, hình ảnh liên quan đến các nghề nghiệp, vùng miền, địa phương khác nhau có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tính tích cực, khách quan, bình đẳng, tôn trọng đối với các nghề nghiệp, vùng miền, địa phương khác nhau; không có những thông tin, hình ảnh mang tính quảng cáo cho các sản phẩm thương mại cụ thể.
		Các nội dung, hình ảnh về giới có tần suất xuất hiện phù hợp; thể hiện tính tích cực, khách quan, bình đẳng về phẩm chất trí tuệ và thiên chức của các giới; không vi phạm Luật bình đẳng giới.
2	**Nội dung sách giáo khoa**	
2.1	Nội dung sách giáo khoa thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục; bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam	Nội dung sách giáo khoa phản ánh chính xác, đủ các yêu cầu cần đạt, bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực của từng chủ đề được quy định trong chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục.
		Các ví dụ minh họa, các dẫn liệu về kinh tế, văn hóa, xã hội, thiên nhiên, con người được sử dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
		Sách giáo khoa thể hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua yêu cầu về độ rộng, sâu của kiến thức, yêu cầu vận dụng, thực hành liên quan đến ngành nghề mà chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục hướng tới.
2.2	Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ học	Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh trong sách giáo khoa bảo đảm chính xác, cập nhật khách quan, phù hợp với lứa tuổi học sinh, nhất quán trong sách giáo khoa đó và giữa các sách giáo khoa ở các lớp học, cấp học của các chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục. Việc tóm tắt tác phẩm của tác giả đưa vào sách giáo khoa phải được sự đồng ý của tác giả hoặc người nắm giữ bản quyền.

	sinh; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng	Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh trong sách giáo khoa phù hợp với nội dung giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh quy định tại chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục.
2.3	Các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục được cập nhật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục	Sách giáo khoa biên soạn lần đầu hoặc sách giáo khoa được chỉnh sửa lần sau phải cập nhật các thành tựu khoa học mới liên quan đến chương trình môn học, hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.
		Sách giáo khoa không có những nội dung còn tranh cãi, chưa hoàn toàn được thừa nhận; không được tóm tắt hoặc trích đoạn làm sai lệch nội dung tác phẩm được đưa vào sách giáo khoa.
2.4	Những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu được thể hiện hợp lý	Sách giáo khoa có nội dung về chủ quyền quốc gia phải thể hiện đúng và đầy đủ tên gọi vùng đất, vùng biển, đảo và các thực thể khác; không phận; chế độ chính trị, kinh tế theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.
		Sách giáo khoa có nội dung giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới được thể hiện thông qua việc tích hợp trong các chủ đề phù hợp: tích hợp vào các chủ đề nội dung liên quan; có các câu hỏi, bài tập riêng; có thể có những đề mục riêng.
		Sách giáo khoa có nội dung giáo dục phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, giáo dục tài chính... được thể hiện thông qua việc tích hợp trong các chủ đề phù hợp: tích hợp vào các chủ đề nội dung liên quan; có các câu hỏi, bài tập riêng; có thể có những đề mục riêng.
3	**Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục trong sách giáo khoa**	
3.1	Các bài học trong sách giáo khoa tạo điều kiện cho giáo	Nội dung các bài học trong sách giáo khoa tạo điều kiện cho giáo viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo

	viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh	cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo thông qua các hoạt động học để thực hiện cả ở trong lớp và ngoài lớp học.
		Nội dung các bài học trong sách giáo khoa tạo thuận lợi cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình.
		Hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động (hoạt động trải nghiệm, dự án nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM, thực hành, thí nghiệm) trong bài học tập trung vào đánh giá kĩ năng thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
3.2	Các bài học trong sách giáo khoa thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục	Các bài học trong sách giáo khoa thể hiện các hoạt động học của học sinh phù hợp với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của các chủ đề, nội dung tương ứng được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục.
		Hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động học tập trong bài học bảo đảm sự tinh giản, chọn lọc, bám sát yêu cầu cần đạt ứng với từng chủ đề, nội dung tương ứng được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục.
		Các câu hỏi, bài tập, hoạt động trong bài học bảo đảm vừa là công cụ tổ chức dạy học tích cực, vừa là công cụ kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học cả ở trong lớp và ngoài lớp học.
4	**Cấu trúc sách giáo khoa**	
4.1	Cấu trúc sách giáo khoa có đủ các thành phần cơ bản sau: phần chương hoặc chủ	Sách giáo khoa có phần mở đầu giới thiệu vị trí môn học, định hướng phương pháp giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá; quan hệ với sách giáo khoa các môn học và hoạt động giáo dục khác; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa.

	đề, bài học, giải thích thuật ngữ, mục lục. Bìa sách được thiết kế theo quy định của Luật xuất bản và ghi danh sách Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa của môn học, hoạt động giáo dục vào bìa 2 của sách giáo khoa	Cấu trúc các phần, chương, chủ đề, bài học bảo đảm quan hệ chung-riêng, toàn thể-bộ phận. Tên phần, chương, chủ đề, bài học phản ánh được nội dung có sự kết nối, tránh rời rạc, vụn vặt.
		Phần giải thích thuật ngữ, từ ngữ có ghi số trang xuất hiện của từng thuật ngữ, từ ngữ (glossary and index) và được đặt ở cuối sách giáo khoa.
4.2	Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng	Phần mở đầu giới thiệu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính thông qua hoạt động nhằm lôi cuốn học sinh vào quá trình tìm hiểu, khám phá, vận dụng kiến thức mới.
		Phần kiến thức mới được thể hiện thông qua kênh chữ, kênh hình nhằm cung cấp thông tin để học sinh dựa vào đó xử lí thông tin thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ đã nêu trong phần mở đầu.
		Phần luyện tập, vận dụng bao gồm các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học trước và trong bài học; việc hệ thống hoá kiến thức bài học; không có khoảng trống để học sinh điền thông tin hoặc yêu cầu học sinh làm bài trực tiếp vào sách giáo khoa.
		Phần kiến thức mới, luyện tập, vận dụng có thể được trình bày xen kẽ hoặc tách rời phù hợp với nội dung, phương pháp và kĩ thuật tổ chức hoạt động dạy học. Sách giáo khoa được biên soạn, thiết kế phù hợp, khoa học giữa các phần, bảo đảm yêu cầu để sử dụng lâu dài, tránh lãng phí.
5	**Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa và hình thức trình bày sách giáo khoa**	
5.1	Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa là tiếng Việt (đối với sách giáo khoa ngoại ngữ và sách giáo khoa tiếng dân	Sách giáo khoa diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh; không sử dụng tiếng Việt cổ, ngôn ngữ địa phương, ngôn ngữ thông tục và tiếng nước ngoài chưa được Việt hóa; trường hợp cần sử dụng thì phải có chú thích.

	tộc thiểu số được sử dụng thêm các ngôn ngữ khác), bảo đảm các quy định về chính tả và ngữ pháp, các chữ viết tắt, các ký hiệu, phiên âm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh	Tuân thủ các quy định hiện hành về viết hoa, chính tả và ngữ pháp, chữ viết tắt, ký hiệu, phiên âm.
		Tuân thủ các quy định hiện hành về đơn vị đo lường theo Luật Đo lường Việt Nam; đối với đơn vị đo mà học sinh được học lần đầu phải ghi đủ tên phiên âm cùng với kí hiệu.
5.2	Hình thức trình bày sách giáo khoa cân đối, hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, hệ thống ký hiệu, biểu tượng, kiểu chữ, cỡ chữ	Các trang sách được trình bày cân đối, hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, hệ thống ký hiệu, biểu tượng, kiểu chữ, cỡ chữ; giữa tuyến cung cấp thông tin và tuyến tổ chức hoạt động học của học sinh; giữa các phần tử in và khoảng trống; trình bày và bố cục nhất quán trong toàn bộ cuốn sách giáo khoa.
5.3	Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ trong sách giáo khoa rõ ràng, chính xác, cập nhật, có tính thẩm mỹ, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh và chỉ rõ nguồn trích dẫn	Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ ghi rõ tên tác giả hoặc nguồn trích dẫn số liệu; bảo đảm rõ ràng, chính xác, cập nhật, hấp dẫn, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh ở từng lớp học.
		Tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ mang tính gợi mở, thuận lợi cho khai thác thông tin, đảm bảo tính thẩm mỹ và không gây phản cảm; phục vụ trực tiếp hoặc minh họa cho nội dung bài học ở vị trí gắn với nội dung cần minh họa.
		Bản đồ trong sách giáo khoa phải thể hiện đầy đủ chủ quyền quốc gia trên đất liền, trên biển; không sử dụng bản đồ có tính tượng trưng, ước lệ và bản đồ, tranh vẽ không rõ nguồn gốc.

		Trang in mặt trước và trang in mặt sau phải chồng khít lên nhau (sai lệch cho phép không lớn hơn 1 mm). Các chi tiết in phải rõ nét, không hằn mặt sau, sạch sẽ, đều mực, ảnh tram lên hết tầng thứ, hạt tram đanh gọn, không bị bẩn ở những vị trí không in. In chồng mầu chính xác; mầu mực đồng đều ở tất cả các trang trong một cuốn sách giáo khoa.
5.4	Khổ sách, khuôn khổ bát chữ, số dòng trong bát chữ, số chữ trong một dòng, chất lượng giấy in (định lượng, độ trắng, độ đục, độ bóng, độ xuyên thấu), chất lượng và định lượng giấy bìa, chất lượng mực in theo tiêu chuẩn quốc gia về sách	Các trang sách được trình bày cân đối, hài hòa về khuôn khổ bát chữ, số dòng trong bát chữ, số chữ trong một dòng; độ trắng, độ bóng, độ xuyên thấu phù hợp, bảo đảm nhìn rõ các phần tử in và không nhìn được các phần tử xuyên thấu từ mặt sau của trang giấy; định lượng giấy in, giấy bìa, chất lượng mực in bảo đảm quy định theo tiêu chuẩn quốc gia về sách.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng